

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Shape the future  
with confidence

TỔNG  
CÔNG TY  
DƯỢC VIỆT  
NAM - CTCP

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY DƯỢC  
VIỆT NAM - CTCP  
DN: C=VN, L="Số 12, phố Ngô Tất Tố,  
Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành  
phố Hà Nội, Việt Nam",  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=  
MST:0100109385, O=TỔNG CÔNG TY  
DƯỢC VIỆT NAM - CTCP, E=vinapharm@  
vinapharm.com.vn, CN=TỔNG CÔNG TY  
DƯỢC VIỆT NAM - CTCP  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2026.03.31 15:39:31+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 43

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 được cấp vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại được trình bày tại Thuyết minh số 1 của Thuyết minh báo cáo tài chính riêng – Thông tin về Tổng Công ty.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại 126A phố Trần Quốc Thảo, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên độc lập	

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Mạnh Cường	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Đức Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025

### BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tiến Thảo	Trưởng Bộ phận	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2025
Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng Bộ phận	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng Bộ phận	
Ông Phí Ngọc Tú	Thành viên	

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh                      Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

HN  
HÀ

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con. 



Hà Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Số tham chiếu: 12315195/68672637

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

Lê Minh Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>627.252.229.429</b>	<b>1.039.352.104.110</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>3.133.090.967</b>	<b>252.825.594.955</b>
111	1. Tiền		1.633.090.967	1.975.594.955
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.500.000.000	250.850.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>604.780.000.000</b>	<b>755.620.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	604.780.000.000	755.620.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>13.091.313.421</b>	<b>27.350.568.564</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		165.598	59.400.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		823.405.795	1.087.320.480
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	13.028.248.549	26.964.354.605
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(760.506.521)	(760.506.521)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>357.853.849</b>	<b>104.285.088</b>
141	1. Hàng tồn kho		357.853.849	104.285.088
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.889.971.192</b>	<b>3.451.655.503</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.234.486.899	2.201.909.832
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	3.655.484.293	1.249.745.671
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.248.888.149.933</b>	<b>1.796.669.346.525</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>12.342.270.009</b>	<b>14.531.706.969</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.269.481.299	14.370.718.259
222	Nguyên giá		58.169.892.539	57.567.562.993
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(45.900.411.240)	(43.196.844.734)
227	2. Tài sản cố định vô hình		72.788.710	160.988.710
228	Nguyên giá		441.000.000	441.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(368.211.290)	(280.011.290)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>34.779.306.191</b>	<b>35.759.475.749</b>
231	1. Nguyên giá		45.821.328.558	45.821.328.558
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.042.022.367)	(10.061.852.809)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>921.339.259</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		921.339.259	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>2.200.113.111.702</b>	<b>1.744.760.044.230</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		286.193.148.150	286.193.148.150
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		1.421.438.052.726	773.277.412.428
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		635.840.772.653	808.840.772.653
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(143.358.861.827)	(123.551.289.001)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>732.122.772</b>	<b>1.618.119.577</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		732.122.772	1.618.119.577
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.876.140.379.362</b>	<b>2.836.021.450.635</b>

JOB  
 CỘ  
 T  
 NST  
 IỆ  
 PH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>21.927.812.064</b>	<b>16.305.853.882</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>20.801.812.064</b>	<b>15.223.853.882</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.351.750.422	614.672.437
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	60.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	130.104.957	72.521.539
314	4. Phải trả người lao động		7.595.971.862	4.641.274.940
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.595.118.661	1.262.628.380
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.771.559.353	702.368.835
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.625.869.381	2.841.504.646
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	5.731.437.428	5.088.823.105
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.126.000.000</b>	<b>1.082.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.126.000.000	1.082.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.854.212.567.298</b>	<b>2.819.715.596.753</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>2.854.212.567.298</b>	<b>2.819.715.596.753</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		201.800.207.965	201.800.207.965
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		282.412.359.333	247.915.388.788
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.837.954.688	3.462.312.470
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		274.574.404.645	244.453.076.318
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.876.140.379.362</b>	<b>2.836.021.450.635</b>

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Lữ Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	10.022.676.505	31.838.846.825
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	10.022.676.505	31.838.846.825
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(5.043.434.505)	(26.197.779.841)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.979.242.000	5.641.066.984
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	331.935.632.588	281.270.084.677
22	7. Chi phí tài chính	21	(19.807.572.826)	3.027.261.040
25	8. Chi phí bán hàng	22	(1.813.085.241)	(2.168.323.675)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(40.622.617.664)	(43.403.648.540)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		274.671.598.857	244.366.440.486
31	11. Thu nhập khác		-	1.477.240.644
32	12. Chi phí khác		(97.194.212)	(75.308.956)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(97.194.212)	1.401.931.688
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		274.574.404.645	245.768.372.174
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	-	(1.315.295.856)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		274.574.404.645	244.453.076.318

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>274.574.404.645</b>	<b>245.768.372.174</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		3.864.117.882	4.657.628.834
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		19.807.572.826	(9.919.332.621)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(32.421.559)	111.691.647
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(331.894.053.132)	(289.768.660.296)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(33.680.379.338)</b>	<b>(49.150.300.262)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.461.332.625)	1.023.242.329
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(253.568.761)	9.769.875.125
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		2.305.436.527	(7.667.637.836)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		885.996.805	(167.695.259)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.315.295.856)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.434.819.777)	(2.565.100.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(34.638.667.169)</b>	<b>(50.072.911.759)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(959.467.364)	(140.909.091)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	22.934.113.716
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(647.200.000.000)	(1.036.120.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác		798.040.000.000	1.203.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(494.777.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.633.883.775	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		345.176.325.211	275.916.001.741
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>21.913.741.622</b>	<b>466.289.206.366</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

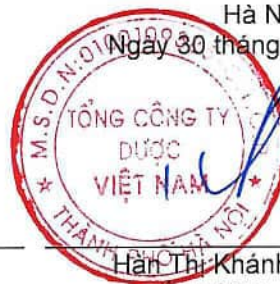
Mã số	CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.3	(237.000.000.000)	(165.971.723.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(237.000.000.000)	(165.971.723.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(249.724.925.547)	250.244.571.607
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		252.825.594.955	2.692.714.995
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		32.421.559	(111.691.647)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	3.133.090.967	252.825.594.955

T.N.H.H. HÀ

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hà Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 được cấp vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- ▶ Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- ▶ Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- ▶ Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- ▶ Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- ▶ Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ▶ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- ▶ In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- ▶ Giáo dục nghề nghiệp;
- ▶ Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- ▶ Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- ▶ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại 126A phố Trần Quốc Thảo, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Số lượng người lao động và người quản lý của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 37 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 38 người).

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

### Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 3 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
				Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 262L, phố Lê Văn Sĩ, phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm.	66,35%	66,57%	66,35%	66,57%
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	65,41%	65,41%	65,41%	65,41%
3	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Số 115, đường Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu.	65,00%	66,81%	65,00%	66,81%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (*)	Số 253, đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.	-	-	62,17%	93,70%

(\*) Tổng Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha. Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 30 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT - BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT - BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - Chi phí mua tính theo giá bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường tính theo giá bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

08  
 CÔNG  
 TI  
 IST  
 IẾ  
 PHC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

118  
G T  
HT  
& Y  
FN  
HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	9 - 46 năm
---------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

12. Y I DU AN C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần (ngày 8 tháng 12 năm 2016) được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị khác sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị khác phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 Vốn cổ phần

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

*Doanh thu cho thuê*

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

*Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Ban Tổng Giám đốc cũng xác định hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty là trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Tổng Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM**

Trong tháng 10 năm 2025, Tổng Công ty đã hoàn tất giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam, tăng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết từ 15% lên 30%, qua đó có ảnh hưởng đáng kể đến công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	489.710.917	191.315.727
Tiền gửi ngân hàng	1.143.380.050	1.784.279.228
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	<u>1.500.000.000</u>	<u>250.850.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.133.090.967</u></b>	<b><u>252.825.594.955</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu lãi tiền gửi	7.058.730.797	-	7.276.635.876	-
Phải thu về cổ tức	4.849.000.000	-	17.913.367.000	-
Phải thu các khoản tạm ứng	250.988.207	-	498.441.112	-
Phải thu ngắn hạn khác	<u>869.529.545</u>	<u>(760.506.521)</u>	<u>1.275.910.617</u>	<u>(760.506.521)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.028.248.549</u></b>	<b><u>(760.506.521)</u></b>	<b><u>26.964.354.605</u></b>	<b><u>(760.506.521)</u></b>

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Thuyết minh số 25)

	4.849.000.000	-	10.977.240.000	-
--	---------------	---	----------------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH Phúc Lâm	328.595.827	-	328.595.827	-
Quầy Hoàng Văn Lộ	112.010.694	-	112.010.694	-
Các khách hàng khác	319.900.000	-	319.900.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>760.506.521</b>	<b>-</b>	<b>760.506.521</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	357.853.849	-	104.285.088	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>357.853.849</b>	<b>-</b>	<b>104.285.088</b>	<b>-</b>

302  
 TY  
 H  
 YO  
 NA  
 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định dùng cho quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	43.121.236.291	6.837.386.288	5.306.064.970	2.302.875.444	57.567.562.993
- Mua trong năm	-	-	-	694.511.364	694.511.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(92.181.818)	(92.181.818)
Số dư cuối năm	43.121.236.291	6.837.386.288	5.306.064.970	2.905.204.990	58.169.892.539
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	982.946.722	-	4.028.979.181	1.325.582.513	6.337.508.416
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	31.247.731.072	5.637.300.561	4.715.462.441	1.596.350.660	43.196.844.734
- Khấu hao trong năm	1.422.390.978	686.775.636	231.422.152	403.500.176	2.744.088.942
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(92.181.818)	(92.181.818)
- Tăng khác	51.659.382	-	-	-	51.659.382
Số dư cuối năm	32.721.781.432	6.324.076.197	4.946.884.593	1.907.669.018	45.900.411.240
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	11.873.505.219	1.200.085.727	590.602.529	706.524.784	14.370.718.259
Số dư cuối năm	10.399.454.859	513.310.091	359.180.377	997.535.972	12.269.481.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*

*Nhà cửa, vật kiến trúc*

<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	45.821.328.558
Số cuối năm	<u>45.821.328.558</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm	10.061.852.809
- Khấu hao trong năm	1.031.828.940
- Giảm khác	(51.659.382)
Số cuối năm	<u>11.042.022.367</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>35.759.475.749</u>
Số cuối năm	<u>34.779.306.191</u>

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty chủ yếu là diện tích sàn văn phòng của Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm và hiện đang được sử dụng để cho thuê.

Tổng Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định và thuyết minh giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 12.1</i> )	286.193.148.150	286.193.148.150
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 12.2</i> )	1.421.438.052.726	773.277.412.428
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 12.3</i> )	635.840.772.653	808.840.772.653
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(143.358.861.827)</u>	<u>(123.551.289.001)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.200.113.111.702</b></u>	<u><b>1.744.760.044.230</b></u>

## Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 12.1. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 (**)	12.122.500	66,35%	123.241.224.756	-	150.319.000.000	12.122.500	66,35%	123.241.224.756	-	123.649.500.000
	13.721.550	65,41%	138.997.108.326	-	473.393.475.000	13.721.550	65,41%	138.997.108.326	-	525.535.365.000
	1.137.500	65,00%	23.954.815.068	-	16.038.750.000	1.137.500	65,00%	23.954.815.068	-	16.152.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>286.193.148.150</b>	<b>-</b>	<b>639.751.225.000</b>			<b>286.193.148.150</b>	<b>-</b>	<b>665.337.365.000</b>

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.

(\*\*) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 không phát sinh lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.2. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Công ty	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Y tế Việt Nam	825.000	41,15%	14.814.901.439	-	(*)	41,15%	14.814.901.439	-	(*)
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (iv)	42.000.000	30,00%	669.794.524.073	-	(*)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam (iii)	232.398	29,99%	28.211.552.564	-	(*)	29,99%	49.845.436.339	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i) (ii)	3.780.000	28,43%	44.983.510.213	-	37.800.000.000	28,43%	44.983.510.213	-	38.556.000.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha (i)	5.538.167	26,45%	131.058.047.634	-	202.696.912.200	26,45%	131.058.047.634	-	171.683.177.000
Công ty Cổ phần Dược Davina Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	450.000	25,00%	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)	25,00%	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	4.746.087	22,07%	50.340.601.545	-	250.593.393.600	22,07%	50.340.601.545	-	276.696.872.100
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	33.948.992	22,04%	477.969.183.365	-	1.782.322.080.000	22,04%	477.969.183.365	-	1.595.602.624.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.421.438.052.726</b>	<b>(4.265.731.893)</b>			<b>773.277.412.428</b>	<b>(4.265.731.893)</b>	

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.2. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)**

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.
- (ii) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Tổng Công ty sử dụng báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 để làm căn cứ trích lập dự phòng.
- (iii) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam do nhận được cổ tức từ nguồn lợi nhuận trước thuế ngày Tổng Công ty chính thức chuyển đổi sang cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình phối hợp với công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục giải thể và đóng cửa công ty theo các quy định hiện hành.
- (iv) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn tất giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam, qua đó tăng tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu từ 15% lên 30% và có ảnh hưởng đáng kể đến công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Số 138 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm (nguyên liệu và thành phẩm) và hóa chất	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Lô I-8-2, Đường D8, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng	30,00%	30,00%	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	Số 3A-3B Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 448B Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	26,45%	26,45%	26,45%	26,45%
Công ty Cổ phần Dược Davina	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	4.657.435	18,23%	197.712.783.695	(80.811.165.195)	116.901.618.500	18,23%	197.712.783.695	(64.975.886.195)	132.736.897.500
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (i)	-	-	-	-	-	15,00%	173.000.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bao bì Dược phẩm Trung Ương Vicipha (i)	450.000	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	11.370.153.435	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i)	3.156.127	14,29%	75.155.455.264	-	183.055.366.000	14,29%	75.155.455.264	-	116.776.699.000
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (i)	8.585.986	13,40%	139.411.862.876	-	206.063.664.000	13,40%	139.411.862.876	-	214.649.650.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex (i)	1.427.500	11,50%	29.455.746.106	-	33.546.250.000	11,50%	29.455.746.106	-	37.115.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	1.579.833	10,23%	46.022.915.860	(19.955.671.360)	26.067.244.500	10,23%	46.022.915.860	(19.955.671.360)	26.067.244.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm Công ty Cổ phần Dược Medipharco (i)	3.780.000	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	9,90%	37.739.465.978	-	(*)
Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	678.501	9,10%	9.231.455.589	-	9.499.014.000	9,10%	9.231.455.589	(750.193.089)	8.481.262.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (i)	183.840	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	7,76%	5.107.203.820	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	1.356.650	6,78%	11.861.708.288	(7.116.720.303)	4.744.987.985	6,78%	11.861.708.288	(4.807.128.288)	7.054.580.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharmaco (i)	243.220	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.466.940.866	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharmaco (i)	6.046.906	5,18%	69.305.080.876	(31.209.573.076)	38.095.507.800	5,18%	69.305.080.876	(28.796.678.176)	40.508.402.700
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>635.840.772.653</b>	<b>(139.093.129.934)</b>			<b>808.840.772.653</b>	<b>(119.285.557.108)</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.
- (ii) Chi tiết tại Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 12.2.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	1.351.750.422	1.351.750.422	571.954.437	571.954.437
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	-	42.718.000	42.718.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.351.750.422</b>	<b>1.351.750.422</b>	<b>614.672.437</b>	<b>614.672.437</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	-	1.144.772.994	(1.144.772.994)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	49.888.800	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	72.521.539	3.985.430.985	(54.412.371)	-	40.910.745
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.249.745.671)	-	-	-	(1.249.745.671)	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	5.375.333.028	-	(2.405.738.622)	-
Các loại thuế khác	-	-	93.194.212	-	-	89.194.212
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(1.249.745.671)</b>	<b>72.521.539</b>	<b>10.648.620.019</b>	<b>(1.199.185.365)</b>	<b>(3.655.484.293)</b>	<b>130.104.957</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Đối tác trả trước tiền hỗ trợ dự án 95 Láng Hạ	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả lãi cổ đông	128.961.241	263.459.080
Phải trả khác	496.908.140	1.578.045.566
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.625.869.381</b>	<b>2.841.504.646</b>

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.088.823.105	7.655.709.514
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 17.1)	3.077.434.100	-
Sử dụng quỹ trong năm	(2.434.819.777)	(2.565.100.000)
Giảm khác	-	(1.786.409)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.731.437.428</b>	<b>5.088.823.105</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	134.960.184.483	236.200.549.543	2.741.160.734.026
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	244.453.076.318	244.453.076.318
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	66.840.023.482	(66.840.023.482)	-
- Chia cổ tức	-	-	(165.900.000.000)	(165.900.000.000)
- Tăng khác	-	-	1.786.409	1.786.409
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.370.000.000.000</b>	<b>201.800.207.965</b>	<b>247.915.388.788</b>	<b>2.819.715.596.753</b>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	201.800.207.965	247.915.388.788	2.819.715.596.753
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	274.574.404.645	274.574.404.645
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(3.077.434.100)	(3.077.434.100)
- Chia cổ tức (*)	-	-	(237.000.000.000)	(237.000.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.370.000.000.000</b>	<b>201.800.207.965</b>	<b>282.412.359.333</b>	<b>2.854.212.567.298</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã phê duyệt việc chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế của năm 2024 với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu (1.000 VND/1 cổ phiếu). Tổng Công ty cũng thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: cổ phiếu*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước (*)	154.050.000	154.050.000	-	154.050.000	154.050.000	-
Các cổ đông khác	82.950.000	82.950.000	-	82.950.000	82.950.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>	<b>-</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Văn bản số 471/TTg – ĐMDN ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP đã được chuyển giao từ Bộ Y tế sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

*Đơn vị tính: VND*

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>2.370.000.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức cho năm 2024	237.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2023	-	165.900.000.000
Cổ tức cho năm 2021	-	24.360.000
Cổ tức cho năm 2020	-	28.403.000
Cổ tức cho năm 2019	-	11.160.000
Cổ tức cho năm 2018	-	7.800.000

**17.4 Cổ phiếu**

*Đơn vị tính: cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	270	270
- Forint Hungari (HUF)	20.000	20.000
- Rúp Nga (RUB)	662.000	662.000

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>10.022.676.505</b>	<b>31.838.846.825</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	854.665.735	1.277.834.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.168.010.770	11.904.538.323
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	18.656.474.262
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10.022.676.505</b>	<b>31.838.846.825</b>
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	319.367.335	2.899.481.658
Doanh thu với các bên khác	9.703.309.170	28.939.365.167

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	49.912.920.907	49.566.301.916
Cổ tức, lợi nhuận được chia	281.981.132.225	231.694.410.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.805.309	5.596.800
Doanh thu tài chính khác	7.774.147	3.775.561
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>331.935.632.588</b>	<b>281.270.084.677</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	452.368.417	626.103.524
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.591.066.088	20.304.205.157
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	-	12.036.276.582
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(6.768.805.422)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.043.434.505</b>	<b>26.197.779.841</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	19.807.572.826	(3.140.807.200)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	113.546.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.807.572.826</b>	<b>(3.027.261.040)</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	1.335.576.723	1.515.765.278
Chi phí khấu hao	97.006.020	86.096.928
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	-	50.218.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.068.122	53.542.643
Chi phí bán hàng khác	305.434.376	462.700.426
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.813.085.241</b>	<b>2.168.323.675</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	17.663.838.442	14.121.233.245
Chi phí dụng cụ quản lý	1.675.520.920	1.745.126.453
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.735.282.922	2.272.620.349
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(9.719.999)
Thuế, phí và lệ phí	2.292.820.698	2.056.195.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.720.124.176	8.736.471.953
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.535.030.506	14.481.721.074
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.622.617.664</b>	<b>43.403.648.540</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	705.937.178	672.271.818
Chi phí bất động sản đã chuyển nhượng	-	12.036.276.582
Chi phí nhân công	18.999.415.165	17.207.853.917
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.864.117.882	4.657.628.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.354.429.446	14.801.232.993
Hoàn nhập dự phòng	-	(6.778.525.421)
Chi phí khác	12.808.806.500	19.295.615.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.732.706.171</b>	<b>61.892.354.510</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tổng Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.315.295.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.315.295.856</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>274.574.404.645</b>	<b>245.768.372.174</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	929.009.596	2.066.803.755
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	600.000.000	477.136.364
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	289.961.141
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(281.981.132.225)	(231.694.410.400)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(6.776.270.902)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(144.113.206)	-
Chuyển lỗ năm trước sang	-	(3.555.112.852)
<b>(Lỗ)/lợi nhuận tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>(6.021.831.190)</b>	<b>6.576.479.280</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.315.295.856</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**24.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗ tính thuế chuyển sang từ năm trước**

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
2020	2025	(29.191.275.856)	3.459.226.496	-	(25.732.049.360)
2022	2027	(88.028.387.898)	-	-	(88.028.387.898)
2023	2028	(3.779.186.948)	-	-	(3.779.186.948)
2025	2030	(6.021.831.190)	-	-	(6.021.831.190)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(127.020.681.892)</b>	<b>3.459.226.496</b>	<b>-</b>	<b>(123.561.455.396)</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ thuế theo tờ khai thuế TNDN của Tổng Công ty và chưa được cơ quan thuế quyết toán vào thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các lỗ thuế nêu trên do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

10  
 CỘ  
 T  
 S  
 T  
 T  
 H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Tổng Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>STT</i>	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty liên kết từ ngày 6 tháng 10 năm 2025
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần Dược Davina	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và nhân viên quản lý chủ chốt đến ngày 24 tháng 4 năm 2025
14	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty có chung thành viên HĐQT
15	Bà Lữ Thị Khánh Trân	Kế toán trưởng

Danh sách các bên liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Bộ phận Kiểm toán nội bộ được trình bày tại phần Thông tin chung của báo cáo tài chính riêng này.

11  
NG  
NI  
&  
T  
11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ tức đã trả	154.050.000.000	107.835.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Cổ tức được chia Phí dịch vụ bảo quản hàng hóa	15.759.250.000 -	6.061.250.000 57.339.100
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cổ tức được chia Phí dịch vụ bảo quản hàng hóa Doanh thu bán hàng hóa	16.465.860.000 - -	31.559.565.000 22.305.700 17.777.776
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Cổ tức được chia Doanh thu cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa	1.137.500.000 123.150.201 97.714.266	568.750.000 121.399.171 -
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Cổ tức được chia	1.485.000.000	1.485.000.000
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Cổ tức được chia Mua thêm cổ phần	127.500.000.000 494.000.000.000	118.500.000.000 -
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam	Cổ tức được chia	95.998.720.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Danapha	Cổ tức được chia Doanh thu dịch vụ kiểm nghiệm Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	- - 105.407.191	3.876.716.900 2.205.002.096 196.826.169
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Cổ tức được chia Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	14.238.261.000 47.308.387	14.238.261.000 28.179.317
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Cổ tức được chia Doanh thu dịch vụ kiểm nghiệm	16.974.496.000 -	15.431.360.000 304.761.905
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	Cổ tức được chia	2.328.717.500	2.328.717.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Cổ tức được chia Mua hàng hóa Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	- 78.590.741 43.501.556	12.878.979.000 662.405.014 43.313.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Tổng Công ty bán hàng và mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Tổng Công ty cũng ghi nhận doanh thu sử dụng quyền nhãn hiệu “Cao sao vàng” từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Mã số 131)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Phải thu cung cấp dịch vụ	165.598	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>165.598</b>	<b>-</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Phải thu về cổ tức	4.849.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phải thu về cổ tức	-	10.977.240.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.849.000.000</b>	<b>10.977.240.000</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Phải trả tiền mua hàng hóa	-	42.718.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>42.718.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại Tổng Công ty trong năm:

Tên	Đơn vị tính: VND	
	Lương, thù lao	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đinh Xuân Hấn	1.200.000.000	1.040.386.364
Ông Nguyễn Tiến Dũng	125.869.565	-
Ông Trần Đức Hùng	54.130.435	161.363.636
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	1.320.000.000	1.038.500.000
Ông Đỗ Mạnh Cường	180.000.000	124.090.909
Ông Trần Văn Hải	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	-	216.931.818
Bà Phạm Thị Xuân Hương	-	37.727.273
Bà Lữ Thị Khánh Trân	744.000.000	714.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.744.000.000</b>	<b>3.453.000.000</b>

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong năm:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	-	237.048.182

**26. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.613.390.117	6.022.797.036
Trên 1 – 5 năm	32.076.514.956	24.091.188.144
Trên 5 năm	230.243.235.241	179.228.262.116
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>267.933.140.314</b>	<b>209.342.247.296</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tổng Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	7.909.749.589	6.659.705.019
Trên 1 - 5 năm	12.034.956.483	10.052.743.242
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.944.706.072</b>	<b>16.712.448.261</b>

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Hằng  
*Người lập*



Lê Thị Khánh Trân  
*Kế toán trưởng*



Hà Thị Khánh Vinh  
*Tổng Giám đốc*



## EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn)